TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023
"*Về ly hôn và tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Huệ
- Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên tham gia.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về *"Ly hôn và nuôi con "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023/QĐSTDS ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Qui Lân 6, xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thanh, Tp Cần Thơ
2.Bị đơn: Anh Trần Thanh B, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/3/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị L trình bày và yêu cầu như sau:***

Chị L và anh B kết hôn với nhau vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thứ 11, huyện An Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì sống rất hạnh phúc nhưng không được bao lâu phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng sống không hợp với nhau, theo chị L xác định do anh B không quan tâm chia sẻ với vợ con, sống không chung thủy với chị L nhưng chị L cố gắng chịu đựng để cho anh B sửa đổi tính tình vợ chồng sống với nhau nuôi con nhưng sức chịu đựng có hạn tình cảm giữa chị và anh B không mang lại hạnh

phúc nên chị bế con về nhà cha mẹ ruột chị ở sống ly thân với anh B đến nay. Chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về quan hệ con chung: Chị L xác định chị và anh B có 02 đứa con chung đặt tên Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 30/6/2010, Trần Thanh H, sinh ngày 21/02/2019, hiện nay chị L nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi 02 đứa con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản và nợ: Chị L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

***** Bị đơn anh Trần Thanh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng mà không ý kiến.

**** Tại phiên tòa*:**

Nguyên đơn chị L và anh B vắng mặt.

* ***Kiểm sát viên phát biểu***:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị L và anh Bcó đăng kết hôn 2009, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B, xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị L và an B mâu thuẫn thời gian dài mà không hòa giải để đoàn tụ được nên chị L khởi kiện xin ly hôn với anh B nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L cho chị được ly hôn với anh B.

- Về quan hệ con chung: Chị L xác định có 02 đứa con, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Mỹ H và cháu Thanh H. Xét thấy cháu H và cháu H hiện nay đang sống chung với chị L, các cháu có nguyện vọng được sống với chị L, nên yêu cầu của chị L là có cơ sở phù hợp quy định tại các Đều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị HĐXX giao cháu H và cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản và nợ: Chị L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tung: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tống đạt thông báo cho anh B biết về việc chị L xin ly hôn với anh B, hết thời hạn quy định trong thông báo anh B không ý kiến, hai lần Tòa án tổ chức phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh không tham gia nên được xác định là những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, cả hai lần mở phiên tòa anh B vắng mặt không lý do, chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B và chị L.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B kết hôn với nhau năm 2009, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh B, xét thấy; hôn nhân giữa chị L và B xác lập có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh B thấy rằng; Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Bđã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cụ thể đó là, vợ chồng mà không quan tâm nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, mỗi người có cuộc sống riêng, nay chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B, anh B thì Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh không đến tham gia hòa giải cũng không ý kiến khai nại gì, hai lần xét xử không có mặt, xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh B thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L cho chị L được ly hôn với anh Trần Thanh B theo quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung: Chị L xác định chị và anh B có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị L yêu yêu cầu được nuôi con tên Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 30/6/2010 và Trần Thanh H, sinh ngày 21/02/2019, xét thấy yêu cầu của chị L là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu H và cháu H nên chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu H và cháu H cho chị L nuôi dưỡng sau khi chị L và anh B ly hôn với nhau (*hiện nay cháu H và cháu H đang sống với chị L),*

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản; *về nợ:* Chị L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trần Thanh B.

[2]. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Thị Mỹ H, sinh ngày 30/6/2010 và cháu Trần Thanh H, sinh ngày 21/02/6/2019 cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (hiện nay cháu H và cháu H đang sống với chị L),

[3].Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[4].Về tài sản; *về nợ:* Chị L xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5].Về án phí sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), án phí ly hôn. Buộc chị Trương Thị Mỹ L phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai số 0001180 ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[6].*Về quyền kháng cáo:* Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án này tống đạt hợp lệ theo thủ tục tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Thứ 11-AM;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Lưu HS vụ án, VP.

Lê Mỹ Huê